

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2013/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Pháp lệnh về phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06/12/2010 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản; Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15/9/2010 của Bộ Tài chính Quy định việc xác định giá khởi điểm của tài sản nhà nước bán đấu giá và chế độ tài chính của Hội đồng bán đấu giá tài sản; Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 35/2012/NQ-HĐND ngày 10/12/2012 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi Khóa XI, Kỳ họp thứ 7 Quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 166/TTr-STC ngày 22/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 28/2007/QĐ-UBND ngày 22/8/2007 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành phí đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Thuế, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất; tổ chức, đơn vị được thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất; các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và chế độ tài chính
trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng
đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND
ngày 26/02/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc cơ quan được UBND cấp có thẩm quyền giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất (Sau đây được gọi chung là cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất).

2. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh trực thuộc Sở Tư pháp, doanh nghiệp bán đấu giá tài sản quy định tại Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản (Sau đây được gọi chung là Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp), Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

4. Các cơ quan, đơn vị và các đối tượng khác có liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất.

Điều 3. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp

1. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh trực thuộc Sở Tư pháp.

2. Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản, doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề có kinh doanh dịch vụ bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bán đấu giá tài sản).

Điều 4. Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất

Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất được thành lập theo quy định tại Điều 13 Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND

của UBND tỉnh).

Chương II **PHÍ THAM GIÁ ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Điều 5. Đối tượng nộp phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

Điều 6. Đối tượng được thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

1. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định tại Điều 3 Quy định này.
2. Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

Điều 7. Mức thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

1. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân (đất ở phân lô):

STT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 200 triệu đồng trở xuống	100.000
2	Từ trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng	200.000
3	Từ trên 500 triệu đồng	500.000

2. Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này:

STT	Diện tích đất	Mức thu (đồng/hồ sơ)
1	Từ 0,5 ha trở xuống	1.000.000
2	Từ trên 0,5 ha đến 02 ha	3.000.000
3	Từ trên 02 ha đến 05 ha	4.000.000
4	Từ trên 05 ha	5.000.000

3. Trường hợp cuộc đấu giá không tổ chức được thì tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất được hoàn lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đã nộp trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến tổ chức phiên đấu giá.

Chương III **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Điều 8. Nguồn kinh phí cho hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất

Nguồn kinh phí cho hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất, bao gồm:

1. Phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất thu của người tham gia đấu giá quy định tại Điều 7 của Quy định này.

2. Khoản tiền đặt trước của người đăng ký tham gia đấu giá đất vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Theo quy định khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 22 Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh

b) Quy định trong phương án đấu giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt

3. Các nguồn kinh phí hợp lệ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nội dung chi

Nguồn kinh phí thu được theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Quy định này được sử dụng để chi phí cho các nội dung công việc sau:

1. Chi phí xác định giá khởi điểm theo quy định tại Điều 11 Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh, bao gồm:

a) Chi cho công tác khảo sát giá đất để xây dựng giá khởi điểm hoặc chi phí thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định giá khởi điểm;

b) Chi tổ chức các cuộc họp để thẩm định giá khởi điểm;

c) Chi in tài liệu và các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến việc thẩm định giá khởi điểm.

2. Chi cho việc tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Nội dung chi cho việc tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp sử dụng khoản chi phí dịch vụ này để thực hiện các công việc sau:

a1) Lập hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định;

a2) Nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất;

a3) Tổ chức cho người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất xem thực tế lô đất (thửa đất) đưa ra đấu giá nếu người tham gia đấu giá đất có yêu cầu;

a4) Giải đáp thắc mắc có liên quan đến đấu giá đất của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất (nếu có);

a5) Niêm yết, thông báo công khai và tổ chức phiên đấu giá theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh;

a6) Hoàn thiện hồ sơ kết quả phiên đấu giá quyền sử dụng đất để bàn giao cho cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh

b) Nội dung chi của Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất (trong trường hợp không thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này); bao gồm các chi phí sau:

b1) Lập hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định;

b2) Lập kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất;

b3) Nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất;

b4) Tổ chức cho người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất xem thực tế lô đất (thửa đất) đưa ra đấu giá nếu người tham gia đấu giá đất có yêu cầu;

b5) Giải đáp thắc mắc có liên quan đến đấu giá đất của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất (nếu có);

b6) Niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại Điều 17 Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh;

b7) Chi thuê địa điểm để tổ chức phiên đấu giá trong trường hợp cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất không bố trí được địa điểm đấu giá;

b8) Chi phí tham dự phiên đấu giá đất, chi bồi dưỡng làm thêm ngoài giờ cho các thành viên Hội đồng đấu giá đất và Tổ chuyên viên giúp việc (nếu thành lập Tổ chuyên viên);

b9) Chi phí in ấn, phô tô tài liệu và văn phòng phẩm liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất;

b10) Hoàn thiện hồ sơ kết quả phiên đấu giá quyền sử dụng đất để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng đấu giá đất;

b11) Các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Nội dung chi của cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất (ngoài các nội dung chi theo quy định tại khoản 2 Điều này), bao gồm:

a) Chi phí xác định giá khởi điểm theo quy định khoản 1 Điều này;

b) Chi phí cho việc đo vẽ, phân lô, xác định mốc giới lô đất (thửa đất) ngoài thực địa;

c) Chi phí cho việc lập kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp thực hiện đấu giá;

d) Chi phí lập thủ tục bàn giao đất ngoài thực địa cho người trúng đấu giá đất;

đ) Chi phí hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không bao gồm phí, lệ phí theo quy định) cho người trúng đấu giá quyền sử dụng đất (nếu người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có yêu cầu);

e) Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đấu giá quyền sử dụng đất do cơ quan được giao xử lý đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện.

Điều 10. Mức chi

1. Đối với các khoản chi đã có tiêu chuẩn, định mức, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Chi phí cho việc xác định giá khởi điểm:

a) Chi phí cho việc khảo sát giá đất thực hiện theo chế độ quy định về kinh phí chi các cuộc điều tra thuộc nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách Nhà nước;

b) Chi phí thuê tổ chức thẩm định giá thực hiện theo Hợp đồng giữa cơ quan có chức năng và tổ chức thẩm định giá hoặc kết quả đấu thầu cung cấp dịch vụ thẩm định giá;

c) Chi tổ chức các cuộc họp để thẩm định giá khởi điểm, mức chi tối đa không quá 100.000 đồng/người/ngày;

3. Chi phí dịch vụ trả cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

4. Đối với những khoản chi chưa có tiêu chuẩn, định mức, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì Thủ trưởng cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất quyết định chi nhưng phải bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Điều 11. Chi phí dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất trả cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp

1. Mức chi phí dịch vụ chi trả cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trong trường hợp đấu giá thành được quy định như sau:

STT	Giá trị quyền sử dụng đất theo giá khởi điểm/Hợp đồng	Mức chi phí
1	Từ 01 tỷ đồng trở xuống	15 triệu đồng + 01% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
2	Từ trên 01 tỷ đồng đến 05 tỷ đồng	25 triệu đồng + 01% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
3	Từ trên 05 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	35 triệu đồng + 01% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
4	Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	45 triệu đồng + 01% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
5	Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	55 triệu đồng + 01% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm
6	Từ trên 100 tỷ đồng	65 triệu đồng + 01% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm

2. Mức chi phí quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và là mức tối đa cho một Hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất. Việc xác định chi phí cụ thể cho từng cuộc đấu giá căn cứ vào mức chi phí tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp đăng ký khi đăng ký tham gia tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất (trong trường hợp không thực hiện đấu thầu) hoặc căn cứ vào kết quả đấu thầu (trong trường hợp thực hiện đấu thầu) nhưng không vượt quá mức chi phí dịch vụ trả cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này và tổng mức chi phí trả cho một hợp đồng bán đấu giá thành không quá 300 triệu đồng. Việc lựa chọn tổ chức

bán đấu giá chuyên nghiệp để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Quy định này.

3. Trường hợp việc đấu giá quyền sử dụng đất không thành (toàn bộ Hợp đồng) thì tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp được thanh toán các khoản chi phí thực tế, hợp lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản, nhưng không được vượt quá mức chi phí đấu giá trong trường hợp đấu giá thành.

4. Trường hợp một Hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm nhiều lô đất mà có một phần đấu giá không thành thì phải xác định tỷ lệ (%) đấu giá thành và tỷ lệ (%) đấu giá không thành theo giá khởi điểm để xác định chi phí trả cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này. Riêng đối với các lô đất bán đấu giá không thành được thanh toán chi phí thực tế, hợp lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản nhưng tối đa không vượt quá 50% chi phí còn lại theo hợp đồng (không bao gồm 01% trên phần chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm).

5. Chi phí dịch vụ bán đấu giá quyền sử dụng đất thanh toán cho tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp được xác định trong Biên bản thanh lý Hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 12. Lập dự toán, phê duyệt dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí đấu giá quyền sử dụng đất

1. Lập dự toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất

Cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất căn cứ vào mức thu, nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Quy định này và khối lượng công việc dự kiến phát sinh để lập dự toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất trình cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

2. Phê duyệt dự toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất

a) Chủ tịch UBND huyện, thành phố phê duyệt dự toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất đối với đất phân lô làm nhà ở trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, thành phố;

b) Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất đối với các trường hợp còn lại trên cơ sở đề nghị của Sở Tài chính.

3. Quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí đấu giá quyền sử dụng đất

a) Cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm quản lý, sử dụng chi phí đấu giá quyền sử dụng đất và báo cáo quyết toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước; phần kinh phí còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước.

b) Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thuộc Sở Tư pháp sử dụng khoản chi phí dịch vụ theo quy định tại Điều 11 Quy định này để chi phí cho việc tổ chức bán

đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định này và thanh quyết toán theo niên độ ngân sách.

c) Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản sử dụng khoản chi phí dịch vụ theo quy định tại Điều 11 Quy định này để chi phí cho việc tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Quy định này. Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật và có quyền quản lý, sử dụng sau khi nộp thuế theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Doanh nghiệp bán đấu giá tài sản thực hiện quyết toán thuế đối với chi phí dịch vụ bán đấu giá quyền sử dụng đất với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tư pháp, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất, cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp

1. Sở Tư pháp: Thông báo công khai danh sách tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất của người tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 7 Quy định này. Cấp chứng từ thu phí theo hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh;

b) Thu khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh trong thời gian tối đa 04 ngày làm việc trước ngày tổ chức phiên đấu giá.

Trong thời gian lưu giữ khoản tiền đặt trước, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm bảo quản an toàn khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất đã nộp. Tùy theo điều kiện cụ thể, Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất áp dụng các biện pháp bảo quản: Lưu giữ tại cơ quan thường trực của Hội đồng hoặc gửi Kho bạc Nhà nước.

c) Hoàn trả khoản tiền đặt trước:

c1) Trường hợp người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất không trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước được hoàn trả cho người tham gia đấu giá tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá;

c2) Nộp ngân sách nhà nước khoản tiền đặt trước của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá của cấp có thẩm quyền.

d) Hoàn trả lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đất đã nộp của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này.

3. Cơ quan được giao xử lý việc đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Lập dự toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 12 Quy định này

b) Trước khi ký hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất, thực hiện thông báo công khai bằng văn bản về việc thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất (trong trường hợp không thành lập Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất). Thông báo được gửi cho các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh theo thông báo của Sở Tư pháp; đồng thời thông báo trên Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Ngãi ít nhất 02 lần, mỗi lần cách nhau 03 ngày.

c) Quyết toán kinh phí đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định

4. Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp:

a) Thu phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất của người tham gia đấu giá theo quy định tại Điều 7 Quy định này. Cấp chứng từ thu phí theo hướng dẫn của Cục Thuế tỉnh;

b) Thu khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 27/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh trong thời gian tối đa 04 ngày làm việc trước ngày tổ chức phiên đấu giá.

Trong thời gian lưu giữ khoản tiền đặt trước, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp có trách nhiệm bảo quản an toàn khoản tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất đã nộp. Tùy theo điều kiện cụ thể, tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp áp dụng các phương thức bảo quản: Lưu giữ tại tổ chức bán đấu giá, trong tài khoản giao dịch của tổ chức bán đấu giá tại Ngân hàng hoặc gửi Kho bạc Nhà nước. Trường hợp tiền đặt trước được lưu giữ trong tài khoản giao dịch của tổ chức bán đấu giá tại Ngân hàng thì số tiền lãi phát sinh được quản lý, sử dụng theo cơ chế tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp (Đối với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Quảng Ngãi) hoặc cơ chế tài chính áp dụng cho doanh nghiệp (Đối với doanh nghiệp bán đấu giá tài sản).

c) Hoàn trả khoản tiền đặt trước:

c1) Trường hợp người tham gia đấu quyền sử dụng đất không trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước được hoàn trả cho người tham gia đấu giá tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

c2) Chuyển trả khoản tiền đặt trước của người trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho cơ quan ký hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá của cấp có thẩm quyền.

d) Hoàn trả lại toàn bộ tiền phí tham gia đấu giá đất đã nộp của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này.

đ) Chuyển kinh phí còn lại của phí tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 8 Quy định này cho cơ quan ký hợp đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất ngay sau khi thanh lý hợp đồng bán đấu giá theo quy định.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh thì các cấp, các ngành báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa